

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình của nam nữ chung sống với
nhau như vợ chồng mà không đăng
ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Dũng;

2. Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò
Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:

Ông Trần Anh Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 420/2017/TLST-HNGĐ ngày 5
tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với
nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 70/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khuru Kim L, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Ô1, khu phố T,
thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Kim H, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Ô1, khu phố T, thị
trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 3-7-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,
cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Khuru Kim L trình bày:

Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1988. Giữa bà và ông H không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ cãi vã nên tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, tình cảm vợ chồng lợt lạt. Do khi chung sống ông bà không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Bích V, sinh ngày 17-4-1988; Trần Thị Bích T, sinh ngày 25-10-1992 và Trần Kim L1, sinh ngày 28-10-2000. Cháu V và cháu T đã lập gia đình và sống riêng, còn cháu L1 đang sống với bà và ông H. Hiện cháu V và cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được và có gia đình riêng, nên bà không yêu cầu giải quyết; riêng cháu L1 có nguyện vọng được sống với ông H nên bà đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nhưng ngày 13-7-2017 bà rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 06-7-2017, biên bản hòa giải ngày 23-7-2017 và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Kim H thừa nhận bà L trình bày tất cả đều đúng, ông không bổ sung gì thêm.

Về hôn nhân: Ông chấp nhận theo lời trình bày của bà L, tức yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa ông bà L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Hiện cháu V và cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được, nên ông không yêu cầu giải quyết, ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông H là vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là cháu L1 cho ông H nuôi, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuru Kim L và ông Trần Kim H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 mà không đăng ký kết hôn. Khi chung sống ông bà có đủ điều kiện kết hôn, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà L yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

[2] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Trần Thị Bích V, sinh ngày 17-4-1988; Trần Thị Bích T, sinh ngày 25-10-1992; Trần Kim L1, sinh ngày 28-10-2000. Ông bà thống nhất cháu V và cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được và có gia đình riêng, nên ông bà không yêu cầu giải quyết; giao ông H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông bà là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Bà L có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[4] Về nợ chung: Bà L và ông H khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Do bà L rút yêu cầu chia tài sản chung nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho bà L là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 147, 217, 218, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận bà Khuru Kim L và ông Trần Kim H là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Về con chung: Cháu Trần Thị Bích V, sinh ngày 17-4-1988 và Trần Thị Bích T, sinh ngày 25-10-1992 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được nên bà L và ông H không yêu cầu giải quyết. Giao ông H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Kim L1, sinh ngày 28-10-2000, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết không đặt ra giải quyết.

Bà L có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Bà L và ông H khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000 đồng theo biên lai thu số 0012324 ngày 5-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, bà L được nhận lại 2.500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thế Dũng

Nguyễn Văn Trọn

Trương Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thế Dũng

Nguyễn Văn Trọn

Trương Thị Bình

